

## Chi tiết NXA16-CC-110VDC TP(R)

- Dòng sản phẩm: Phụ kiện ACB - Máy Cắt Không Khí
- Series: NXA
- Mã sản phẩm: NXA16-CC-110VDC TP(R)
- Hãng sản xuất: Chint
- Xuất xứ: Trung Quốc
- Phân loại : Phụ kiện ACB
- Điện áp: 110VDC
- Mã phụ kiện: Đóng nam châm điện
- Khung Ampe: 1600A


# Hướng dẫn chọn máy cắt không khí NXA Series





NXA	16	N	04	M	D	3	AC230	M	Other
Code of Product	Code of frame size	Code of breaking capacity	Code of rated current	Code of intelligent controller	Code of installation method	Code of number of poles	Code of control circuit voltage	Code of operation mode	Code of special requirement
	16:1600A (04-16)	N: basic type	04-400A 06-630A 08-800A 10-1000A 12-1250A 16-1600A 20-2000A 25-2500A 32-3200A 36-3600A 40-4000A	M: basic type A: current type P: power type H: harmonic type PT: power + temperature type HT: harmonic + temperature type	D: draw-out type F: fixed type	3: 3 poles 4: 4 poles	AC 230: AC 230V AC 400: AC 400V DC 110: DC 110V DC 220: DC 220V	No code: motor operation M: manual operation	No code: no special requirement Special requirements code, such as: UVT

NXA	16	TU	M	04	3	DC24V
Code of product	Code of frame size	Intelligent controller	Code of intelligent controller	Code of rated current	Code of number of poles	Code of auxiliary power supply
	16:1600A (04-16) 20:2000A (06-20) 32:3200A (16-32)		M: basic type A: current type P: power type H: harmonic type PT: power+ temperature type HT: harmonic + temperature type	04-400A; 06-630A 08-800A; 10-1000A 12-1250A; 16-1600A 20-2000A; 25-2500A 32-3200A; 36-3600A 40-4000A	3: 3 poles 4: 4 poles	AC 230: AC 230V AC 400: AC 400V DC 24: DC24V



# Hướng dẫn chọn phụ kiện

NXA	16	-	CC	-	230VAC
Code of product	Frame size		Code of accessories		Code of rated voltage
	16:1600A		CC: Closed electromagnet		230VAC: AC230V
	20:2000A		ST: Shunt tripper		400VAC: AC400V
	32:3200A		UVT: Undervoltage tripper		110VDC: DC110V
	40:4000A		MO: Motor		220VDC: DC220V
	20/40:2000A-4000A				
	20/32:2000A-3200A				

NXA	16	OF	C04
Code of product	Frame size	Code of accessories	Specification of accessories
	16:1600A	 OF: Auxiliary contact	C04: Four groups of contacts
	20:2000A		C05: Five groups of contacts
	32:3200A		C06: Six groups of contacts
	40:4000A		N3: Three normally open and three normally closed
	20/40:2000A-4000A		N4: Four normally open and four normally closed
	20/32:2000A-3200A		N5: Five normally open and five normally closed
			1S1S: One lock and one key
		KL: Key lock	2S1S: Two locks and one key
		FCDP: Fixed type door frame	3S2S: Three locks and two keys
		DCDP: Draw-out type door frame	
		FD: Fixed type interphased partition	
		DD: Draw-out type interphased partition	
		CE-CD-CT: Position signal	
		ILK2: Mechanical interlocking two interlocking steel cables	

## Thông số kỹ thuật của máy cắt không khí NXA Series

Number of poles	3/4
Rated operational voltage Ue (V)	380/400/415
Rated insulation voltage Ui (V)	1000
Rated impulse withstand voltage Uimp (kV)	12
Rated frequency Hz	50/60
Flashover distance (mm)	0
Applicable to isolation	IEC/EN 60947-2 Applicable
Pollution grade	IEC 60664-1 N:3

## Mặt trước sản phẩm của máy cắt không khí NXA Series



- |   |                                  |    |  |
|---|----------------------------------|----|--|
| 1 | Trademark                        | 9  | QR code  |
| 2 | Secondary wiring terminal        | 10 | Extraction draw plate (only applicable to draw-out type)           |
| 3 | Breaking button                  | 11 | "Disconnected" position locking (only applicable to draw-out type) |
| 4 | Energy-storage handle            | 12 | Racking-handle entry (only applicable to draw-out type)            |
| 5 | Making button                    | 13 | Position indication (only applicable to draw-out type)             |
| 6 | Nameplate                        | 14 | Racking-handle storage (only applicable to draw-out type)          |
| 7 | Energy-storage/release indicator | 15 | Intelligent controller   |
| 8 | Breaking/making indicator        | 16 | Fault-breaking indicator reset button                              |

# Kích thước của máy cắt không khí NXA Series

Frame size			1600A						2000A						3200A				4000A		
Rated current (A)			400	630	800	1000	1250	1600	630	800	1000	1250	1600	800	1000	1250	1600	1000	1250	1600	
Rated current of the fourth pole (A)			400	630	800	1000	1250	1600	630	800	1000	1250	1600	800	1000	1250	1600	1000	1250	1600	
Type of the circuit breaker			N	H					N	S	H			N	S	H		N	S	H	
Rated ultimate short circuit breaking capacity (kArms) VAC 50/60Hz	Icu	380/400/415V	50	55					80	65	80			80	80	100		80	85	100	
Rated service short circuit breaking capacity (kArms) VAC 50/60Hz	Ics	380/400/415V	30	42					50	65	65			65	80	80		65	85	85	
Utilization category			B						B						B				B		
Rated short-time withstand current (kArms) VAC 50/60Hz	Icw	1s, 380/400/415V	30	42					50	65	65			65	80	80		65	85	85	
Closed capacity kA peak) VAC 50/60Hz	Icm	380/400/415V	105	121					176	176	176			176	220	220		176	220	220	
Making current tripping protection function (MCR kArms)			10	16					16	16	16			26	26	26		26	26	26	
Breaking time (ms)			32						32					32				32			
Closing time (ms)			70						70					70				70			
Service life C/O cycle	Electrical		15000						15000						10000				10000		
	Mechanical		8000						8000						5000				3000		
Connection	Horizontal		▪						▪						▪				▪		

Size (width × depth × heig	Fixed type	3P	254×243.5×318.5	374×344×400	439×373.5×400	550×337.5×400
		4P	324×243.5×318.5	469×344×400	554× ×400	700×337.5×400
	Draw- out type	3P	308×331.5×351	403×430×438.5	463×499.5×438.5	569×416×438.5
		4P	378×331.5×351	498×430×438.5	578× ×438.5	719×416×438.5

## Ứng dụng của máy cắt không khí NXA Series

Máy cắt không khí NXA thường được ứng dụng để cắt điện tổng, hạ áp cho trạm biến áp phân phối điện và làm máy cắt chủ lực cho đường dây. Thiết bị có dòng điện định mức lớn, khả năng cắt dòng cũng cao và thời gian cắt điện nhanh: không quá 0.02 giây khi hoạt động.